

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm
2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Huỳnh Chánh Tín - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Lê Thị Huyền T**, sinh năm: 2000

Địa chỉ: số 335, ấp Ngãi Lợi A, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông **Lê Quốc Q**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: **ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An**

Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện T**, tỉnh Long An

(Bà **T** có mặt tại phiên tòa. Ông **Q** có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà **Lê Thị Huyền T** trình bày: bà và ông **Lê Quốc Q** chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An** vào ngày 15/4/2021. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc và về cách nuôi dạy con nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Bà và ông Q đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà về sinh sống bên nhà cha mẹ ruột tại xã L, thành phố T, tỉnh Long An. Còn ông Q sinh sống và cư trú chung nhà cha mẹ ruột của ông Q tại ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian ly thân, bà và ông Q không thường xuyên liên lạc với nhau. Cách nay 02 tháng ông Q đã thay đổi số điện thoại nên bà và ông Q không còn liên lạc. Vì vậy hiện nay bà không biết ông Q ở đâu và làm gì. Nay bà xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: bà và ông Q có một con chung tên Lê Thị Ánh N, sinh ngày 16/8/2021. Con chung hiện nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 01/8/2023, bị đơn là ông Lê Quốc Q trình bày: ông và bà Lê Thị Huyền T tự nguyện yêu thương, được cha mẹ tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 15/4/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Nay ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do hiện nay ông đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- Về con chung: ông và bà T có một con chung tên Lê Thị Ánh N, sinh ngày 16/8/2021. Con chung hiện nay đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông và bà T không có tài sản chung, không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huyền T.

+ Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị Huyền T** và ông **Lê Quốc Q**.

+ Về con chung: bà **Lê Thị Huyền T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Lê Thị Ánh N**, sinh ngày 16/8/2021. Ông **Lê Quốc Q** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn **Lê Thị Huyền T** với bị đơn **Lê Quốc Q** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn **Lê Quốc Q** vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Q** theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà **T** và ông **Q** chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **T**, tỉnh **Long An** vào ngày 15/4/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà **T** và ông **Q** thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà **T** và ông **Q** đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà **T** và ông **Q** không thường xuyên liên lạc với nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông **Q** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng. Ông **Q** đã có lời khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà **T**. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà **T** và ông **Q** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn của bà **T** và ông **Q** theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: bà **T** và ông **Q** có một con chung tên **Lê Thị Ánh N**, sinh ngày 16/8/2021. Khi ly hôn, bà **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông **Q** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tính đến thời điểm hiện tại con chung dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống chung với bà **T**. Ông **Q** đồng ý giao con chung cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, không tranh chấp về việc nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận thỏa thuận của bà **T** và ông **Q** về việc giao con chung cho bà **T** được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **T** không yêu cầu ông **Q** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà **T** nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà **T** và ông **Q** trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: bà **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông **Q** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Huyền T.**

Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị Huyền T** và ông **Lê Quốc Q.**

Về con chung: bà **Lê Thị Huyền T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Lê Thị Ánh N**, sinh ngày 16/8/2021.

Ông **Lê Quốc Q** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà **Lê Thị Huyền T** và ông **Lê Quốc Q** trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà **Lê Thị Huyền T** có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp theo Biên lai thu số 0001849 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, bà **T** không phải nộp thêm. Ông **Lê Quốc Q** không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi